

Số: 148 /2025/TT-BTC

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2025

THÔNG TƯ

Hướng dẫn một số nội dung tại Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật

Căn cứ Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn một số nội dung tại Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn thực hiện một số nội dung tại Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật (sau đây gọi là Nghị định số 289/2025/NĐ-CP) thuộc thẩm quyền của Bộ Tài chính bao gồm:

1. Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động xây dựng Thông tư, Thông tư liên tịch do Bộ Tài chính chủ trì soạn thảo.

2. Thẩm quyền quyết định, điều chỉnh nội dung chi, định mức chi cụ thể cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật tại Bộ Tài chính.

3. Tiêu chí xác định chuyên gia, tổ chức tư vấn trong hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật tại Bộ Tài chính.

4. Lập dự toán, quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán kinh phí chi cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật tại Bộ Tài chính.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính thực hiện nhiệm vụ xây dựng chính sách, soạn thảo, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập dự toán, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho nhiệm vụ, hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ, hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 3. Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động xây dựng Thông tư, Thông tư liên tịch do Bộ Tài chính chủ trì soạn thảo

Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động xây dựng Thông tư, Thông tư liên tịch do Bộ Tài chính chủ trì soạn thảo thực hiện theo Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định, điều chỉnh nội dung chi, định mức chi cụ thể cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật tại Bộ Tài chính

Người đứng đầu đơn vị được giao chủ trì xây dựng văn bản quy phạm pháp luật quyết định, điều chỉnh nội dung chi, định mức chi cụ thể đối với từng nhiệm vụ, hoạt động đảm bảo tương xứng với mức độ quan trọng, phức tạp của nhiệm vụ, hoạt động và đáp ứng đầy đủ nhu cầu thực tế phát sinh; không vượt quá tổng mức chi cho nhiệm vụ, hoạt động quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết số 197/2025/QH15 và mức cao nhất của khung định mức chi theo từng nhiệm vụ, hoạt động tương ứng quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 289/2025/NĐ-CP và Phụ lục kèm theo Thông tư này; tuân thủ các quy định về giám sát, kiểm tra, kiểm toán; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch.

Điều 5. Tiêu chí xác định chuyên gia, tổ chức tư vấn trong hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật tại Bộ Tài chính

Trong trường hợp pháp luật liên quan không có quy định khác, người đứng đầu đơn vị được giao chủ trì xây dựng văn bản quy phạm pháp luật quyết định tiêu chí xác định chuyên gia, tổ chức tư vấn.

Điều 6. Lập dự toán, quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán kinh phí chi cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

1. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho nhiệm vụ, hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Tài chính thực hiện theo quy định tại Điều 2, Điều 7 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP, Luật Ngân sách nhà nước và văn bản có liên quan.

2. Thanh toán, quyết toán kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật:

a) Hồ sơ thanh toán, quyết toán kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 7 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP. Trong đó, sản phẩm của từng nhiệm vụ, hoạt động xây dựng Thông tư, Thông tư liên tịch do Bộ Tài chính chủ trì soạn thảo thực hiện theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Đơn vị được giao chủ trì xây dựng văn bản quy phạm pháp luật có trách nhiệm gửi hồ sơ quy định tại điểm a khoản này đến đơn vị được giao nhiệm vụ thanh toán, quyết toán kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định;

c) Đơn vị được giao nhiệm vụ thanh toán, quyết toán kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật có trách nhiệm thanh toán kinh phí cho các đơn vị theo từng sản phẩm của nhiệm vụ, hoạt động và định mức quy định tại Nghị định 289/2025/NĐ-CP và Thông tư này.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

2. Văn bản quy phạm pháp luật được ban hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 được thanh toán, quyết toán theo định mức khoán chi quy định tại Nghị định số 289/2025/NĐ-CP và Thông tư này.

Người đứng đầu đơn vị được giao chủ trì xây dựng văn bản quy phạm pháp luật căn cứ mức độ quan trọng, phức tạp của nhiệm vụ, hoạt động đã thực hiện để quyết định nội dung chi, định mức chi cụ thể và gửi hồ sơ thanh toán, quyết toán kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật nêu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

4. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập dự toán, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho nhiệm vụ, hoạt động xây dựng chính sách, văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Tài chính chủ trì soạn thảo có trách nhiệm thi hành Thông tư này.

5. Cục Kế hoạch - Tài chính có trách nhiệm tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền dự toán, phương án phân bổ, giao dự toán kinh phí ngân sách nhà nước

cho hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; hướng dẫn hồ sơ, thủ tục thanh toán, quyết toán kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Nghị định 289/2025/NĐ-CP và Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn./. 

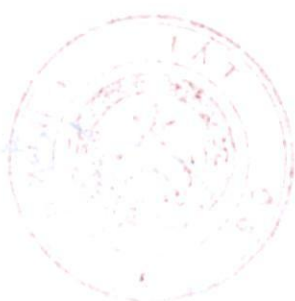
Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc;
- Ủy ban Kinh tế và Tài chính;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính (Bộ TP);
- Công báo; Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu VT, Vụ PC (100b). 

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Thành Trung



Phụ lục
ĐỊNH MỨC KHOẢN CHI CHO TỪNG NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG, BAN HÀNH THÔNG TƯ, THÔNG TƯ LIÊN TỊCH DO BỘ TÀI CHÍNH CHỦ TRÌ SOẠN THẢO

(Kèm theo Thông tư số 148/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nhiệm vụ và hoạt động	Định mức khoản chi	Sản phẩm
A	Xây dựng, ban hành thông tư của Bộ Tài chính		
I	Mức chi cho xây dựng, ban hành thông tư quy định tại mục III Phụ lục II Nghị quyết 197/2025/QH15; thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 thông tư trở lên	Tối đa 350	
1	Soạn thảo, ban hành thông tư		
1.1	Xây dựng dự thảo thông tư (đơn vị chủ trì soạn thảo)	Tối đa 270	Thông tư đã được ký ban hành.
1.2	Các hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho công tác soạn thảo thông tư		
1.2.1	Tổng hợp xây dựng dự toán kinh phí xây dựng thông tư (Văn phòng Bộ, đơn vị dự toán cấp II)	5	
1.2.2	Tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí, xét duyệt quyết toán ngân sách nhà nước, trong đó có kinh phí xây dựng thông tư (Cục Kế hoạch Tài chính)	5	
1.3	Phê duyệt, ký ban hành thông tư		
1.3.1	Bộ trưởng	7	
1.3.2	Thứ trưởng phụ trách đơn vị chủ trì soạn thảo thông tư	7	
1.3.3	Các thành viên Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Tài chính khác phê duyệt dự thảo thông tư	3/thành viên	

1.4	Phối hợp tham gia ý kiến xây dựng dự thảo thông tư (các đơn vị thuộc Bộ tham gia ý kiến đối với dự thảo thông tư) ¹	Từ 1 đến 5 ²	Văn bản tham gia ý kiến
1.5	Rà soát báo cáo lãnh đạo Bộ về hồ sơ dự thảo thông tư (Văn phòng Bộ)	5	Phiếu trình Bộ
1.6	Rà soát hồ sơ, trình Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Tài chính hồ sơ dự thảo thông tư (Văn phòng Đảng ủy)	5	Phiếu trình Ban Thường vụ Đảng ủy.
2	Thẩm định thông tư ³ (Đơn vị được giao chủ trì thẩm định thông tư)	42	Văn bản thẩm định
II	Mức chi cho xây dựng, ban hành thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 thông tư	Tối đa 210	
1	Soạn thảo, ban hành thông tư		
1.1	Xây dựng dự thảo thông tư (đơn vị chủ trì soạn thảo)	Tối đa 160	Thông tư đã được ký ban hành
1.2	Các hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho công tác soạn thảo thông tư		
1.2.1	Tổng hợp xây dựng dự toán kinh phí xây dựng thông tư (Văn phòng Bộ, đơn vị dự toán cấp II)	3	
1.2.2	Tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí, xét duyệt quyết toán ngân sách nhà nước (trong đó có kinh phí xây dựng thông tư) (Cục Kế hoạch Tài chính)	3	
1.3	Phê duyệt, ký ban hành thông tư		
1.3.1	Bộ trưởng	4	

¹ Mỗi đơn vị tính tối đa 01 lần tham gia ý kiến.

² Tính trên 01 ý kiến tham gia.

³ Đơn vị chủ trì thẩm định chủ động sử dụng kinh phí thẩm định cho các hoạt động như thuê chuyên gia, tổ chức tư vấn (nếu có), tổ chức họp hội đồng thẩm định (nếu có).

1.3.2	Thư trưởng phụ trách đơn vị chủ trì soạn thảo thông tư	4	
1.3.3	Các thành viên Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Tài chính khác phê duyệt dự thảo thông tư	2/thành viên	
1.4	Phối hợp tham gia ý kiến xây dựng dự thảo thông tư (các đơn vị thuộc Bộ tham gia ý kiến đối với dự thảo thông tư) ⁴	Từ 0,5 đến 3 ⁵	Văn bản tham gia ý kiến
1.5	Rà soát báo cáo lãnh đạo Bộ về hồ sơ dự thảo thông tư (Văn phòng Bộ)	3	Phiếu trình Bộ
1.6	Rà soát hồ sơ, trình Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Tài chính hồ sơ dự thảo thông tư (Văn phòng Đảng ủy)	3	Phiếu trình Ban Thường vụ Đảng ủy.
2	Thẩm định thông tư ⁶ (Đơn vị được giao chủ trì thẩm định thông tư)	25	Văn bản thẩm định
III	Mức chi cho xây dựng, ban hành thông tư bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ thông tư	Tối đa 105	
1	Soạn thảo, ban hành thông tư		
1.1	Xây dựng dự thảo thông tư (đơn vị chủ trì soạn thảo)	Tối đa 80	Thông tư đã được ký ban hành
1.2	Các hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho công tác soạn thảo thông tư (chỉ cho công tác tổng hợp, xây dựng và bố trí kinh phí):		
1.2.1	Tổng hợp xây dựng dự toán kinh phí xây dựng thông tư (Văn phòng Bộ, đơn vị dự toán cấp II)	1,5	
1.2.2	Tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí, xét duyệt quyết toán ngân sách nhà nước (trong đó có kinh phí xây dựng thông tư) (Cục Kế hoạch Tài chính)	1,5	

⁴ Mỗi đơn vị tính tối đa 01 lần tham gia ý kiến.

⁵ Tính trên 01 ý kiến tham gia.

⁶ Đơn vị chủ trì thẩm định chủ động sử dụng kinh phí thẩm định cho các hoạt động như thuê chuyên gia, tổ chức tư vấn (nếu có), tổ chức họp hội đồng thẩm định (nếu có)

1.3	Phê duyệt, ký ban hành thông tư		
1.3.1	Bộ trưởng	2	
1.3.2	Thứ trưởng phụ trách đơn vị chủ trì soạn thảo thông tư	2	
1.3.3	Các thành viên Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Tài chính khác phê duyệt dự thảo thông tư	1/thành viên	
1.4	Phối hợp tham gia ý kiến xây dựng dự thảo thông tư (các đơn vị thuộc Bộ tham gia ý kiến đối với dự thảo thông tư) ⁷	Từ 0,5 đến 3 ⁸	Văn bản tham gia ý kiến
1.5	Rà soát báo cáo lãnh đạo Bộ về hồ sơ dự thảo thông tư (Văn phòng Bộ)	1,5	Phiếu trình Bộ
1.6	Rà soát hồ sơ, trình Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Tài chính hồ sơ dự thảo thông tư (Văn phòng Đảng ủy)	1,5	Phiếu trình Ban Thường vụ Đảng ủy.
2	Thẩm định thông tư ⁹ (Đơn vị được giao chủ trì thẩm định thông tư)	12	Văn bản thẩm định
B	Xây dựng, ban hành thông tư liên tịch do Bộ Tài chính chủ trì soạn thảo		
I	Mức chi cho xây dựng thông tư liên tịch quy định tại mục III Phụ lục II Nghị quyết 197/2025/QH15; thông tư liên tịch sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 thông tư liên tịch trở lên	Tối đa 350	
1	Xây dựng, ban hành thông tư liên tịch của Bộ Tài chính (cơ quan chủ trì soạn thảo thông tư liên tịch)		
1.1	Soạn thảo, ban hành thông tư		
1.1.1	Xây dựng dự thảo thông tư liên tịch (đơn vị chủ trì soạn thảo)	Tối đa 190	Thông tư liên tịch đã

⁷ Mỗi đơn vị tính tối đa 01 lần tham gia ý kiến.

⁸ Tính trên 01 ý kiến tham gia.

⁹ Đơn vị chủ trì thẩm định chủ động sử dụng kinh phí thẩm định cho các hoạt động như thuê chuyên gia, tổ chức tư vấn (nếu có), tổ chức họp hội đồng thẩm định (nếu có)

1.1.2	Các hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho công tác soạn thảo thông tư		được ký ban hành.
1.1.2.1	Tổng hợp xây dựng dự toán kinh phí xây dựng thông tư liên tịch (Văn phòng Bộ, đơn vị dự toán cấp II)	3,5	
1.1.2.2	Tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí, xét duyệt quyết toán ngân sách nhà nước (trong đó có kinh phí xây dựng thông tư liên tịch) (Cục Kế hoạch Tài chính)	3,5	
1.1.3	Phê duyệt, ký ban hành thông tư liên tịch		
1.1.3.1	Bộ trưởng	4,5	
1.1.3.2	Thứ trưởng phụ trách đơn vị chủ trì soạn thảo thông tư liên tịch	4,5	
1.1.3.3	Các thành viên Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Tài chính khác phê duyệt dự thảo thông tư liên tịch	2/thành viên	
1.1.4	Phối hợp tham gia ý kiến xây dựng dự thảo thông tư liên tịch (các đơn vị thuộc Bộ tham gia ý kiến đối với dự thảo thông tư) ¹⁰	Từ 0,5 đến 3 ¹¹	
1.1.5	Rà soát báo cáo lãnh đạo Bộ về hồ sơ dự thảo thông tư liên tịch (Văn phòng Bộ)	3,5	Phiếu trình Bộ
1.1.6	Rà soát hồ sơ, trình Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Tài chính hồ sơ dự thảo thông tư (Văn phòng Đảng ủy)	3,5	Phiếu trình Ban Thường vụ Đảng ủy.
1.2	Thẩm định thông tư ¹² (Đơn vị được giao chủ trì thẩm định thông tư liên tịch)	29	Văn bản thẩm định
2	Phối hợp soạn thảo, ban hành thông tư liên tịch (Các cơ quan liên tịch xây dựng, soạn thảo, ban hành thông tư liên tịch ¹³)	105	Văn bản tham gia ý kiến của các cơ quan liên

¹⁰ Mỗi đơn vị tính tối đa 01 lần tham gia ý kiến.

¹¹ Tính trên 01 ý kiến tham gia.

¹² Đơn vị chủ trì thẩm định chủ động sử dụng kinh phí thẩm định cho các hoạt động như thuê chuyên gia, tổ chức tư vấn (nếu có), tổ chức họp hội đồng thẩm định (nếu có)

			tịch
II	Mức chi cho xây dựng, ban hành thông tư liên tịch sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 thông tư liên tịch	Tối đa 210	
1	Xây dựng, ban hành thông tư liên tịch của Bộ Tài chính (cơ quan chủ trì soạn thảo thông tư liên tịch)		
1.1	Soạn thảo, ban hành thông tư		
1.1.1	Xây dựng dự thảo thông tư liên tịch (đơn vị chủ trì soạn thảo)	Tối đa 113	Thông tư liên tịch đã được ký ban hành.
1.1.2	Các hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho công tác soạn thảo thông tư liên tịch		
1.1.2.1	Tổng hợp xây dựng dự toán kinh phí xây dựng thông tư liên tịch (Văn phòng Bộ, đơn vị dự toán cấp II)	2	
1.1.2.2	Tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí, xét duyệt quyết toán ngân sách nhà nước (trong đó có kinh phí xây dựng thông tư liên tịch) (Cục Kế hoạch Tài chính)	2	
1.1.3	Phê duyệt, ký ban hành thông tư liên tịch		
1.1.3.1	Bộ trưởng	3	
1.1.3.2	Thứ trưởng phụ trách đơn vị chủ trì soạn thảo, xây dựng thông tư liên tịch	3	
1.1.3.3	Các thành viên Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Tài chính khác phê duyệt dự thảo thông tư liên tịch	1,5/thành viên	
1.1.4	Phối hợp tham gia ý kiến xây dựng dự thảo thông tư liên tịch (các đơn vị thuộc Bộ tham gia ý kiến đối với dự thảo thông tư liên tịch) ¹⁴	Từ 0,2 đến 2 ¹⁵	Văn bản tham gia ý kiến

¹³ Trường hợp 02 cơ quan liên tịch trở lên thì định mức khoán chi ở mục này được chia đều cho các cơ quan.

¹⁴ Mỗi đơn vị tính tối đa 01 lần tham gia ý kiến.

1.1.5	Rà soát báo cáo lãnh đạo Bộ về hồ sơ dự thảo thông tư liên tịch (Văn phòng Bộ)	2	Phiếu trình Bộ
1.1.6	Rà soát hồ sơ, trình Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Tài chính hồ sơ dự thảo thông tư liên tịch (Văn phòng Đảng ủy)	2	Phiếu trình Ban Thường vụ Đảng ủy
1.2	Thẩm định thông tư liên tịch ¹⁶ (Đơn vị được giao chủ trì thẩm định thông tư)	17,5	Văn bản thẩm định
2	Phối hợp soạn thảo, ban hành thông tư liên tịch (Các cơ quan liên tịch xây dựng, soạn thảo, ban hành thông tư liên tịch ¹⁷)	63	Văn bản tham gia ý kiến của các cơ quan liên tịch
III	Mức chi cho xây dựng, ban hành thông tư liên tịch bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ thông tư liên tịch	Tối đa 105	
1	Xây dựng, ban hành thông tư liên tịch của Bộ Tài chính (cơ quan chủ trì soạn thảo thông tư liên tịch)		
1.1	Soạn thảo, ban hành thông tư liên tịch		
1.1.1	Xây dựng dự thảo thông tư liên tịch (đơn vị chủ trì soạn thảo)	Tối đa 57	Thông tư liên tịch đã được ký ban hành.
1.1.2	Các hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho công tác soạn thảo thông tư liên tịch		
1.1.2.1	Tổng hợp xây dựng dự toán kinh phí xây dựng thông tư liên tịch (Văn phòng Bộ, đơn vị dự toán cấp II)	1	
1.1.2.2	Tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí, xét duyệt quyết toán ngân sách nhà nước (trong đó có kinh phí xây dựng thông tư liên tịch) (Cục Kế hoạch Tài chính)	1	

¹⁵ Tính trên 01 ý kiến tham gia.

¹⁶ Đơn vị chủ trì thẩm định chủ động sử dụng kinh phí thẩm định cho các hoạt động như thuê chuyên gia, tổ chức tư vấn (nếu có), tổ chức họp hội đồng thẩm định (nếu có)

¹⁷ Trường hợp 02 cơ quan liên tịch trở lên thì định mức khoán chi ở mục này được chia đều cho các cơ quan.

1.1.3	Phê duyệt, ký ban hành thông tư liên tịch		
1.1.3.1	Bộ trưởng	1,5	
1.1.3.2	Thứ trưởng phụ trách đơn vị chủ trì soạn thảo thông tư liên tịch	1,5	
1.1.3.3	Các thành viên Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Tài chính khác phê duyệt dự thảo thông tư liên tịch	0,5/thành viên	
1.1.4	Phối hợp tham gia ý kiến xây dựng dự thảo thông tư (các đơn vị thuộc Bộ tham gia ý kiến đối với dự thảo thông tư liên tịch) ¹⁸	Từ 0,2 đến 2 ¹⁹	Văn bản tham gia ý kiến
1.1.5	Rà soát báo cáo lãnh đạo Bộ về hồ sơ dự thảo thông tư liên tịch (Văn phòng Bộ)	1	Phiếu trình Bộ
1.1.6	Rà soát hồ sơ, trình Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Tài chính hồ sơ dự thảo thông tư liên tịch (Văn phòng Đảng ủy)	1	Phiếu trình Ban Thường vụ Đảng ủy
1.2	Thẩm định thông tư liên tịch ²⁰ (Đơn vị được giao chủ trì thẩm định thông tư)	9	Văn bản thẩm định
2	Phối hợp soạn thảo, ban hành thông tư liên tịch (Các cơ quan liên tịch xây dựng, soạn thảo, ban hành thông tư liên tịch ²¹)	31,5	Văn bản tham gia ý kiến của các cơ quan liên tịch

¹⁸ Mỗi đơn vị tính tối đa 01 lần tham gia ý kiến.

¹⁹ Tính trên 01 ý kiến tham gia.

²⁰ Đơn vị chủ trì thẩm định chủ động sử dụng kinh phí thẩm định cho các hoạt động như thuê chuyên gia, tổ chức tư vấn (nếu có), tổ chức họp hội đồng thẩm định (nếu có)

²¹ Trường hợp 02 cơ quan liên tịch trở lên thì định mức khoán chi ở mục này được chia đều cho các cơ quan.